

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2018

**CÔNG TY CỔ PHẦN**  
**VĂN HÓA PHƯƠNG NAM**

## MỤC LỤC

|  | Trang   |
|--|---------|
| 1. Mục lục   | 1       |
| 2. Báo cáo của Hội đồng quản trị   | 2 - 4   |
| 3. Báo cáo kiểm toán độc lập   | 5 - 6   |
| 4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018   | 7 - 10  |
| 5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất<br>cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 | 11      |
| 6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất<br>cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018           | 12 - 13 |
| 7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất<br>cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018    | 14 - 42 |
| 8. Phụ lục   | 43 - 48 |

\*\*\*\*\*

## **BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Văn hóa Phương Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”).

### **Khái quát về Công ty**

Công ty Cổ phần Văn hoá Phương Nam là doanh nghiệp cổ phần được thành lập dựa trên cơ sở cổ phần hoá Công ty Văn hoá Dịch vụ Tổng hợp Quận 11 trực thuộc phòng VH TT Quận 11 vào tháng 8 năm 1999. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0301860552 đăng ký lần đầu ngày 19 tháng 11 năm 1999 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần thay đổi từ lần thứ 01 đến lần thứ 25 về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật, bổ sung ngành nghề kinh doanh và thay đổi chi nhánh hoạt động.

### **Trụ sở hoạt động**

- Địa chỉ : số 940, đường 3 tháng 2, Phường 15, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh
- Điện thoại : (84-28) 35 261 616
- Fax : (84-28) 35 264 022

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình;
- In ấn các loại sách báo, tạp chí, văn hoá phẩm, văn phòng phẩm,...;
- Kinh doanh các dịch vụ thuộc ngành văn hoá thông tin: nhiếp ảnh, âm thanh, nhạc cụ, vẽ quảng cáo, thiết kế mỹ thuật,...;
- Sản xuất các sản phẩm phục vụ nhu cầu học tập, văn hoá bằng tất cả chất liệu;
- Dịch vụ sửa chữa, bảo trì máy móc, công cụ do Công ty kinh doanh;
- Cho thuê mặt bằng, văn phòng, nhà xưởng;
- Sản xuất các loại sản phẩm nghe nhìn: băng đĩa nhạc, băng đĩa hình, băng đĩa phim truyện, phim hoạt hình, băng đĩa có nội dung sân khấu – ca nhạc và các loại băng đĩa có nội dung được phép lưu hành;
- Dịch vụ bảo hộ quyền tác giả;
- Kinh doanh quán ăn uống bình dân (không kinh doanh tại trụ sở);
- Kinh doanh rạp chiếu phim;
- Dịch vụ quảng cáo, thương mại;
- Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan;
- Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác.

# CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

## Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

### Hội đồng quản trị

| Họ và tên           | Chức vụ                            | Ngày bổ nhiệm             |
|---------------------|------------------------------------|---------------------------|
| Ông Đặng Bá Tùng    | Chủ tịch                           | Ngày 26 tháng 10 năm 2017 |
| Ông Nguyễn Hữu Hoạt | Phó Chủ tịch kiêm<br>Tổng Giám đốc | Ngày 26 tháng 10 năm 2017 |
| Ông Đỗ Hoàng Trang  | Phó Chủ tịch                       | Ngày 26 tháng 10 năm 2017 |
| Nguyễn Đức Long     | Thành viên                         | Ngày 26 tháng 10 năm 2017 |
| Huỳnh Đăng Khoa     | Thành viên                         | Ngày 26 tháng 10 năm 2017 |

### Ban kiểm soát

| Họ và tên               | Chức vụ    | Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm             |
|-------------------------|------------|--|
| Bà Huỳnh Kim Đành       | Trưởng ban | Tái bổ nhiệm ngày 26 tháng 10 năm 2017 |
| Bà Dương Thị Kim Đính   | Thành viên | Tái bổ nhiệm ngày 26 tháng 10 năm 2017 |
| Bà Huỳnh Thị Thanh Trúc | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 26 tháng 10 năm 2017     |

### Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc của Công ty là Ông Nguyễn Hữu Hoạt (bổ nhiệm ngày 26 tháng 10 năm 2017).

### Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Đặng Bá Tùng – Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 26 tháng 10 năm 2017).

### Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Tập đoàn.

### Trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng quản trị

Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chủ tịch Hội đồng quản trị đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Chủ tịch Hội đồng quản trị cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Chủ tịch Hội đồng quản trị cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.



# CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

---

## Phê duyệt Báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Hội đồng quản trị,



**Đặng Bá Tùng**  
**Chủ tịch Hội đồng quản trị**

Ngày 22 tháng 02 năm 2019



Số: 1.0233/19/TC-AC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Văn hóa Phương Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”), được lập ngày 18 tháng 02 năm 2019, từ trang 07 đến trang 48, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

### **Trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng quản trị**

Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Chủ tịch Hội đồng quản trị xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Chủ tịch Hội đồng quản trị cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

**Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C**



---

**Bùi Văn Khả - Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0085-2018-008-1

---

**Võ Thành Công - Kiểm toán viên**

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 1033-2018-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 02 năm 2019

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM**

Địa chỉ: số 940 đường 3 tháng 2, Phường 15, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU  | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối năm            | Số đầu năm             |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
|   |            |             |                        |                        |
| <b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>                         | <b>100</b> |             | <b>331.775.573.321</b> | <b>297.157.344.590</b> |
| <b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>        | <b>110</b> | <b>V.1</b>  | <b>52.575.238.317</b>  | <b>12.761.381.404</b>  |
| 1. Tiền   | 111        |             | 24.075.238.317         | 9.761.381.404          |
| 2. Các khoản tương đương tiền                       | 112        |             | 28.500.000.000         | 3.000.000.000          |
| <b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>                | <b>120</b> |             | -                      | -                      |
| 1. Chứng khoán kinh doanh                           | 121        |             | -                      | -                      |
| 2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh         | 122        |             | -                      | -                      |
| 3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn                  | 123        |             | -                      | -                      |
| <b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>             | <b>130</b> |             | <b>44.907.278.843</b>  | <b>36.829.537.359</b>  |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng                 | 131        | V.2         | 22.270.120.284         | 25.111.510.049         |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn                 | 132        | V.3a        | 12.221.087.168         | 8.102.496.928          |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn                         | 133        |             | -                      | -                      |
| 4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134        |             | -                      | -                      |
| 5. Phải thu về cho vay ngắn hạn                     | 135        |             | -                      | -                      |
| 6. Phải thu ngắn hạn khác                           | 136        | V.4a        | 17.763.173.804         | 11.602.709.108         |
| 7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi               | 137        | V.5         | (9.335.554.776)        | (8.430.819.482)        |
| 8. Tài sản thiếu chờ xử lý                          | 139        | V.6         | 1.988.452.363          | 443.640.756            |
| <b>IV. Hàng tồn kho</b>                             | <b>140</b> |             | <b>218.979.583.215</b> | <b>233.204.613.409</b> |
| 1. Hàng tồn kho                                     | 141        | V.7         | 236.193.361.062        | 261.281.531.343        |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho                   | 149        | V.7         | (17.213.777.847)       | (28.076.917.934)       |
| <b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>                     | <b>150</b> |             | <b>15.313.472.946</b>  | <b>14.361.812.418</b>  |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn                       | 151        | V.8a        | 3.012.796.437          | 2.869.537.691          |
| 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ              | 152        |             | 11.581.612.203         | 10.938.204.836         |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước         | 153        | V.17        | 719.064.306            | 554.069.891            |
| 4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ       | 154        |             | -                      | -                      |
| 5. Tài sản ngắn hạn khác                            | 155        |             | -                      | -                      |



**CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM**

Địa chỉ: số 940 đường 3 tháng 2, Phường 15, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**

| CHỈ TIÊU  | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối năm            | Số đầu năm             |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| <b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>                      | <b>200</b> |             | <b>92.606.880.269</b>  | <b>213.525.594.658</b> |
| <b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>            | <b>210</b> |             | <b>14.175.634.148</b>  | <b>18.661.375.280</b>  |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng              | 211        |             | -                      | -                      |
| 2. Trả trước cho người bán dài hạn              | 212        | V.3b        | 884.056.522            | 1.142.776.522          |
| 3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc           | 213        |             | -                      | -                      |
| 4. Phải thu nội bộ dài hạn                      | 214        |             | -                      | -                      |
| 5. Phải thu về cho vay dài hạn                  | 215        |             | -                      | -                      |
| 6. Phải thu dài hạn khác                        | 216        | V.4b        | 13.291.577.626         | 17.518.598.758         |
| 7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi            | 219        |             | -                      | -                      |
| <b>II. Tài sản cố định</b>                      | <b>220</b> |             | <b>63.994.230.471</b>  | <b>68.133.819.089</b>  |
| 1. Tài sản cố định hữu hình                     | 221        | V.9         | 63.711.251.027         | 67.675.590.434         |
| - Nguyên giá                                    | 222        |             | 150.108.326.527        | 147.285.849.472        |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                        | 223        |             | (86.397.075.500)       | (79.610.259.038)       |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính               | 224        |             | -                      | -                      |
| - Nguyên giá                                    | 225        |             | -                      | -                      |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                        | 226        |             | -                      | -                      |
| 3. Tài sản cố định vô hình                      | 227        | V.10        | 282.979.444            | 458.228.655            |
| - Nguyên giá                                    | 228        |             | 4.184.873.910          | 4.184.873.910          |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                        | 229        |             | (3.901.894.466)        | (3.726.645.255)        |
| <b>III. Bất động sản đầu tư</b>                 | <b>230</b> | <b>V.11</b> | <b>-</b>               | <b>37.604.341</b>      |
| - Nguyên giá                                    | 231        |             | 4.170.407.110          | 4.675.201.133          |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                        | 232        |             | (4.170.407.110)        | (4.637.596.792)        |
| <b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>              | <b>240</b> |             | <b>3.080.762.054</b>   | <b>2.455.753.200</b>   |
| 1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn | 241        |             | -                      | -                      |
| 2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang              | 242        | V.12        | 3.080.762.054          | 2.455.753.200          |
| <b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>              | <b>250</b> |             | <b>2.499.906.900</b>   | <b>113.204.147.322</b> |
| 1. Đầu tư vào công ty con                       | 251        |             | -                      | -                      |
| 2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết      | 252        | V.13a       | -                      | 110.704.240.422        |
| 3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác               | 253        | V.13b       | 2.499.906.900          | 2.499.906.900          |
| 4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn            | 254        |             | -                      | -                      |
| 5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn              | 255        |             | -                      | -                      |
| <b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>                 | <b>260</b> |             | <b>8.856.346.696</b>   | <b>11.032.895.426</b>  |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn                    | 261        | V.8b        | 7.052.107.197          | 9.085.200.980          |
| 2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại               | 262        | V.14        | 1.804.239.499          | 1.947.694.446          |
| 3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn  | 263        |             | -                      | -                      |
| 4. Tài sản dài hạn khác                         | 268        |             | -                      | -                      |
| 5. Lợi thế thương mại                           | 269        |             | -                      | -                      |
| <b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>                        | <b>270</b> |             | <b>424.382.453.590</b> | <b>510.682.939.248</b> |

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM**

Địa chỉ: số 940 đường 3 tháng 2, Phường 15, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**

| CHỈ TIÊU  | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối năm            | Số đầu năm             |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
|   |            |             |                        |                        |
| <b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>                              | <b>300</b> |             | <b>271.049.403.642</b> | <b>482.025.174.064</b> |
| <b>I. Nợ ngắn hạn</b>                               | <b>310</b> |             | <b>266.063.535.406</b> | <b>477.506.975.828</b> |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn                      | 311        | V.15        | 222.416.265.828        | 233.872.472.184        |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn                | 312        | V.16        | 1.477.096.696          | 1.202.846.671          |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước              | 313        | V.17        | 2.019.391.530          | 3.315.884.351          |
| 4. Phải trả người lao động                          | 314        |             | 6.462.003.413          | 13.286.400.286         |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn                        | 315        | V.18        | 19.275.700.522         | 29.374.629.536         |
| 6. Phải trả nội bộ ngắn hạn                         | 316        |             | -                      | -                      |
| 7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 317        |             | -                      | -                      |
| 8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn                | 318        |             | 1.750.322.238          | 606.189.081            |
| 9. Phải trả ngắn hạn khác                           | 319        | V.19a       | 12.662.755.179         | 36.668.553.719         |
| 10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn               | 320        | V.20        | -                      | 159.180.000.000        |
| 11. Dự phòng phải trả ngắn hạn                      | 321        |             | -                      | -                      |
| 12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi                       | 322        |             | -                      | -                      |
| 13. Quỹ bình ổn giá                                 | 323        |             | -                      | -                      |
| 14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ      | 324        |             | -                      | -                      |
| <b>II. Nợ dài hạn</b>                               | <b>330</b> |             | <b>4.985.868.236</b>   | <b>4.518.198.236</b>   |
| 1. Phải trả người bán dài hạn                       | 331        |             | -                      | -                      |
| 2. Người mua trả tiền trước dài hạn                 | 332        |             | -                      | -                      |
| 3. Chi phí phải trả dài hạn                         | 333        |             | -                      | -                      |
| 4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh                | 334        |             | -                      | -                      |
| 5. Phải trả nội bộ dài hạn                          | 335        |             | -                      | -                      |
| 6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn                 | 336        |             | -                      | -                      |
| 7. Phải trả dài hạn khác                            | 337        | V.19b       | 4.985.868.236          | 4.518.198.236          |
| 8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn                 | 338        |             | -                      | -                      |
| 9. Trái phiếu chuyển đổi                            | 339        |             | -                      | -                      |
| 10. Cổ phiếu ưu đãi                                 | 340        |             | -                      | -                      |
| 11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả                 | 341        |             | -                      | -                      |
| 12. Dự phòng phải trả dài hạn                       | 342        |             | -                      | -                      |
| 13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ            | 343        |             | -                      | -                      |

# CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM

Địa chỉ: số 940 đường 3 tháng 2, Phường 15, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bảng cân đối kê toán hợp nhất (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU   | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối năm            | Số đầu năm             |
|--|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| <b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>                                    | <b>400</b> |             | <b>153.333.049.948</b> | <b>28.657.765.184</b>  |
| <b>I. Vốn chủ sở hữu</b>                                     | <b>410</b> |             | <b>153.333.049.948</b> | <b>28.657.765.184</b>  |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu                                    | 411        | V.21        | 110.402.410.000        | 110.402.410.000        |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết                     | 411a       |             | 110.402.410.000        | 110.402.410.000        |
| - Cổ phiếu ưu đãi  | 411b       |             | -                      | -                      |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần                                      | 412        | V.21        | 24.738.460.046         | 24.738.460.046         |
| 3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu                          | 413        |             | -                      | -                      |
| 4. Vốn khác của chủ sở hữu                                   | 414        |             | -                      | -                      |
| 5. Cổ phiếu quỹ  | 415        | V.21        | (2.616.000.640)        | (2.616.000.640)        |
| 6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản                           | 416        |             | -                      | -                      |
| 7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái                                | 417        |             | -                      | -                      |
| 8. Quỹ đầu tư phát triển                                     | 418        | V.21        | 1.998.733.714          | 1.998.733.714          |
| 9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp                           | 419        |             | -                      | -                      |
| 10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu                            | 420        |             | -                      | -                      |
| 11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối                        | 421        | V.21        | 18.809.446.828         | (105.865.837.936)      |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước | 421a       |             | (105.865.837.936)      | (105.865.837.936)      |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này                   | 421b       |             | 124.675.284.764        | -                      |
| 12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản                         | 422        |             | -                      | -                      |
| 13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát                          | 429        |             | -                      | -                      |
| <b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>                        | <b>430</b> |             | <b>-</b>               | <b>-</b>               |
| 1. Nguồn kinh phí  | 431        |             | -                      | -                      |
| 2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định              | 432        |             | -                      | -                      |
| <b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>                                   | <b>440</b> |             | <b>424.382.453.590</b> | <b>510.682.939.248</b> |

TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 02 năm 2019

Lê Thị Kim Sa  
Người lập biểu

Ông Thu Nga  
Kế toán trưởng



Đặng Bá Tùng  
Chủ tịch Hội đồng quản trị

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM**

Địa chỉ: số 940 đường 3 tháng 2, Phường 15, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

(Dạng đầy đủ)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU   | Mã số | Thuyết minh |                        |                         |
|--|-------|-------------|------------------------|-------------------------|
|  |       |             | Năm nay                | Năm trước               |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ              | 01    | VI.1        | 708.400.946.558        | 606.310.909.935         |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu                        | 02    | VI.2        | 8.450.868.929          | 7.451.080.777           |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ     | 10    |             | 699.950.077.629        | 598.859.829.158         |
| 4. Giá vốn hàng bán                                    | 11    | VI.3        | 424.880.339.854        | 420.376.695.316         |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ       | 20    |             | 275.069.737.775        | 178.483.133.842         |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính                       | 21    | VI.4        | 172.801.278.801        | 9.326.994.563           |
| 7. Chi phí tài chính                                   | 22    | VI.5        | 6.962.375.655          | 8.323.124.295           |
| Trong đó: chi phí lãi vay                              | 23    |             | 3.344.386.795          | 6.709.532.831           |
| 8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết | 24    | V.13a       | (2.067.640.131)        | 18.469.800.903          |
| 9. Chi phí bán hàng                                    | 25    | VI.6        | 254.971.358.988        | 200.259.625.486         |
| 10. Chi phí quản lý doanh nghiệp                       | 26    | VI.7        | 37.160.241.923         | 37.293.204.302          |
| 11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh            | 30    |             | 146.709.399.879        | (39.596.024.775)        |
| 12. Thu nhập khác                                      | 31    | VI.8        | 22.583.317.798         | 20.733.297.745          |
| 13. Chi phí khác                                       | 32    | VI.9        | 8.832.541.737          | 48.451.199.470          |
| 14. Lợi nhuận khác                                     | 40    |             | 13.750.776.061         | (27.717.901.725)        |
| 15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế                  | 50    |             | 160.460.175.940        | (67.313.926.500)        |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành       | 51    | V.17        | 14.042.734.229         | -                       |
| 17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại        | 52    |             | 143.454.947            | (803.336.769)           |
| 18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp           | 60    |             | <u>146.273.986.764</u> | <u>(66.510.589.731)</u> |
| 19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ                  | 61    |             | <u>146.273.986.764</u> | <u>(66.510.589.731)</u> |
| 20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát     | 62    |             | -                      | -                       |
| 21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu                           | 70    | VI.10       | <u>13.545</u>          | <u>(6.159)</u>          |
| 22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu                         | 71    | VI.10       | <u>13.545</u>          | <u>(6.159)</u>          |



Lê Thị Kim Sa  
Người lập biểu



Ông Thu Nga  
Kế toán trưởng



TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 02 năm 2019

Đặng Bá Tùng  
Chủ tịch Hội đồng quản trị

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM**

Địa chỉ: số 940 đường 3 tháng 2, Phường 15, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU   | Mã số     | Thuyết minh | Năm nay                | Năm trước               |
|--|-----------|-------------|------------------------|-------------------------|
| <b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>  |           |             |                        |                         |
| 1. Lợi nhuận trước thuế  | 01        |             | 160.460.175.940        | (67.313.926.500)        |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản:   |           |             |                        |                         |
| - Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư  | 02        | V.9, 10, 11 | 16.653.525.715         | 15.767.178.165          |
| - Các khoản dự phòng   | 03        | V.5, 7      | (9.958.404.793)        | 23.017.906.246          |
| - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04        |             | -                      | (511.302.319)           |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư  | 05        | V13a; VI.4  | (156.179.366.032)      | (13.367.565.381)        |
| - Chi phí lãi vay  | 06        | VI.5        | (3.344.386.795)        | 6.709.532.831           |
| - Các khoản điều chỉnh khác  | 07        |             | -                      | -                       |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động                           | 08        |             | 7.631.544.035          | (35.698.176.958)        |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu  | 09        |             | 2.191.637.416          | 55.583.302.577          |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho  | 10        |             | 25.088.170.281         | (13.869.175.229)        |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả  | 11        |             | (9.417.180.865)        | 7.107.393.866           |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước   | 12        |             | 1.731.010.741          | 2.694.255.780           |
| - Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh  | 13        |             | -                      | -                       |
| - Tiền lãi vay đã trả  | 14        | V.18; VI.5  | (16.754.264.851)       | (7.812)                 |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp  | 15        | V.17        | (13.681.172.892)       | -                       |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh  | 16        |             | -                      | -                       |
| - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh   | 17        |             | -                      | -                       |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>                                       | <b>20</b> |             | <b>(3.210.256.135)</b> | <b>15.817.592.224</b>   |
| <b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>   |           |             |                        |                         |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác               | 21        |             | (45.606.750.675)       | (42.387.784.394)        |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác            | 22        |             | 332.174.855            | 158.439.276             |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác                                    | 23        |             | -                      | -                       |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác                            | 24        |             | -                      | 201.808.182             |
| 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác   | 25        |             | -                      | -                       |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác   | 26        | V.13        | 270.000.000.000        | -                       |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia                                     | 27        | VI.4        | 1.400.203.268          | 1.308.490.623           |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>   | <b>30</b> |             | <b>226.125.627.448</b> | <b>(40.719.046.313)</b> |

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM**

Địa chỉ: số 940 đường 3 tháng 2, Phường 15, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)**

| CHỈ TIÊU   | Mã số     | Thuyết minh | Năm nay                  |                         |
|--|-----------|-------------|--------------------------|-------------------------|
|  |           |             | Năm nay                  | Năm trước               |
| <b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>   |           |             |                          |                         |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu                             | 31        |             | -                        | -                       |
| 2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32        |             | -                        | -                       |
| 3. Tiền thu từ đi vay  | 33        |             | -                        | -                       |
| 4. Tiền trả nợ gốc vay   | 34        | V.20        | (161.630.000.000)        | -                       |
| 5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính  | 35        |             | -                        | -                       |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu   | 36        | V.21, 19a   | (21.471.514.400)         | -                       |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>  | <b>40</b> |             | <b>(183.101.514.400)</b> | <b>-</b>                |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>   | <b>50</b> |             | <b>39.813.856.913</b>    | <b>(24.901.454.089)</b> |
| <b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>  | <b>60</b> | <b>V.1</b>  | <b>12.761.381.404</b>    | <b>37.662.851.370</b>   |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ                                    | 61        |             | -                        | (15.877)                |
| <b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>   | <b>70</b> | <b>V.1</b>  | <b>52.575.238.317</b>    | <b>12.761.381.404</b>   |

Lê Thị Kim Sa  
Người lập biểu

Ông Thu Nga  
Kế toán trưởng



TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 02 năm 2019

Đặng Bá Tùng  
Chủ tịch Hội đồng quản trị



# CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM

Địa chỉ: số 940, đường 3 tháng 2, Phường 15, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Văn hóa Phương Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là thương mại, dịch vụ.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình;
- In ấn các loại sách báo, tạp chí, văn hoá phẩm, văn phòng phẩm,...;
- Cho thuê mặt bằng, văn phòng, nhà xưởng;
- Sản xuất các loại sản phẩm nghe nhìn: băng đĩa nhạc, băng đĩa hình, băng đĩa phim truyện, phim hoạt hình, băng đĩa có nội dung sân khấu – ca nhạc và các loại băng đĩa có nội dung được phép lưu hành;
- Dịch vụ bảo hộ quyền tác giả;
- Dịch vụ quảng cáo, thương mại;
- Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan;
- Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet.

#### 4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

#### 5. Đặc điểm hoạt động của Tập đoàn trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Công ty đã thực hiện chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp tương ứng 20% vốn sở hữu tại Công ty TNHH CJ CGV Việt Nam với giá trị chuyển nhượng là 270.000.000.000 VND.

#### 6. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 6 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Toàn bộ các công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

##### 6a. Danh sách công ty con được hợp nhất

| Tên công ty                      | Địa chỉ trụ sở chính  | Hoạt động kinh doanh chính  | Tỷ lệ lợi ích |            | Tỷ lệ quyền biểu quyết |            |
|----------------------------------|---|---|---------------|------------|------------------------|------------|
|                                  |   |   | Số cuối năm   | Số đầu năm | Số cuối năm            | Số đầu năm |
| Công ty TNHH Bán lẻ Phương Nam   | Số 940 đường 3 tháng 2, Phường 15, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh | Kinh doanh nhà sách (bán lẻ các ngành hàng)                                       | 100,00%       | 100,00%    | 100,00%                | 100,00%    |
| Công ty TNHH MTV Sách Phương Nam | Số 940 đường 3 tháng 2, Phường 15, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh | Đại lý phát hành sách báo, bán buôn bán lẻ sách báo, tạp chí băng đĩa, đồ chơi... | 100,00%       | 100,00%    | 100,00%                | 100,00%    |

## CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM

Địa chỉ: số 940, đường 3 tháng 2, Phường 15, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

| Tên công ty  | Địa chỉ trụ sở chính  | Hoạt động kinh doanh chính   | Tỷ lệ lợi ích |            | Tỷ lệ quyền biểu quyết |            |
|--|---|--|---------------|------------|------------------------|------------|
|  |   |  | Số cuối năm   | Số đầu năm | Số cuối năm            | Số đầu năm |
| Công ty TNHH MTV Phương Nam Phim                             | Số 940 đường 3 tháng 2, Phường 15, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh | Sản xuất, mua bán băng đĩa, dịch vụ quảng cáo thương mại, rạp chiếu phim | 100,00%       | 100,00%    | 100,00%                | 100,00%    |
| Công ty TNHH MTV In Phương Nam                               | Số 940 đường 3 tháng 2, Phường 15, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh | In trên bao bì, đóng bìa, gáy sách, mạ vàng, nhuộm màu bìa sách          | 100,00%       | 100,00%    | 100,00%                | 100,00%    |
| Công ty TNHH MTV Văn phòng phẩm Phương Nam                   | 160/13 Đội Cung, Phường 8, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh         | Sản xuất, mua bán giấy, các sản phẩm từ giấy, dụng cụ thiết bị học sinh  | 100,00%       | 100,00%    | 100,00%                | 100,00%    |
| Công ty TNHH Giải trí Truyền thông Phương Nam <sup>(i)</sup> | Số 940 đường 3 tháng 2, Phường 15, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh | Phát hành phim, hậu kỳ, quảng cáo, tổ chức biểu diễn                     | 100,00%       | 100,00%    | 100,00%                | 100,00%    |

(i) Công ty này đã tạm ngưng hoạt động.

#### 6b. Danh sách các công ty liên doanh, liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

| Tên công ty   | Địa chỉ trụ sở chính   | Hoạt động kinh doanh chính   | Tỷ lệ phần sở hữu |            | Tỷ lệ quyền biểu quyết |            |
|---|--|--|-------------------|------------|------------------------|------------|
|   |  |  | Số cuối năm       | Số đầu năm | Số cuối năm            | Số đầu năm |
| Công ty Cổ phần Nhân hiệu Phương Nam <sup>(i)</sup> | 137 Lê Quang Định, Phường 14, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh | Mua bán hàng gia dụng, đại lý phát hành báo, bán văn phòng phẩm, quảng cáo | 59,90%            | 59,90%     | 50,00%                 | 50,00%     |
| Công ty Cổ phần Truyền thông Bách Việt Phương Nam   | 59 Trần Quốc Hoàn, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh              | Bán bản quyền các sản phẩm truyền thông                                    | 30,67%            | 30,67%     | 30,67%                 | 30,67%     |
| Công ty Cổ phần Mega Phương Nam                     | 181/31/17 Bình Thới, Phường 9, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh        | Hoạt động hậu kỳ như biên tập, truyền hình                                 | 32,00%            | 32,00%     | 32,00%                 | 32,00%     |

(i) Công ty này đã tạm ngưng hoạt động.

#### 7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

#### 8. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Tập đoàn có 806 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 1.043 nhân viên).



## **CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM**

Địa chỉ: số 940, đường 3 tháng 2, Phường 15, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

---

### **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

#### **1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

#### **2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

### **III. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **1. Chế độ kế toán áp dụng**

Tập đoàn áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

#### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Chủ tịch Hội đồng quản trị đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

### **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

#### **2. Cơ sở hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một năm tài chính và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

# CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM

Địa chỉ: số 940, đường 3 tháng 2, Phường 15, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

### 3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tập đoàn và ngân hàng.
- Nếu hợp đồng không qui định tỷ giá thanh toán:
  - Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
  - Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
  - Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
  - Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB) – Chi nhánh Hồ Chí Minh (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB) – Chi nhánh Hồ Chí Minh (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).

## CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM

Địa chỉ: số 940, đường 3 tháng 2, Phường 15, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

---

#### 4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

#### 5. Các khoản đầu tư tài chính

*Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết*

*Công ty liên doanh*

Công ty liên doanh là doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở thỏa thuận trên hợp đồng mà theo đó Tập đoàn và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên tham gia liên doanh.

Tập đoàn ghi nhận lợi ích của mình trong cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó khoản vốn góp trong liên doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Tập đoàn trong kết quả hoạt động kinh doanh của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Tập đoàn ngừng sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu kể từ ngày kết thúc quyền đồng kiểm soát hoặc không có ảnh hưởng đáng kể đối với cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát.

Báo cáo tài chính của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được lập cùng năm tài chính với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tập đoàn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

*Công ty liên kết*

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng năm tài chính với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tập đoàn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

# CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM

Địa chỉ: số 940, đường 3 tháng 2, Phường 15, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

## *Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác*

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các Năm trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tập đoàn so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

## **6. Các khoản phải thu**

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

# CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM

Địa chỉ: số 940, đường 3 tháng 2, Phường 15, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

---

## 7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá gốc của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Trường hợp hàng hóa chậm luân chuyển, mức dự phòng căn cứ vào thời gian hàng hóa còn tồn kho. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

## 8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước của Tập đoàn bao gồm các chi phí sau:

### *Công cụ, dụng cụ*

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

### *Các chi phí khác*

Chi phí khác là chi phí di dời văn phòng, trợ cấp thôi việc, tiền bản quyền... phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng từ 3 năm đến 5 năm.

## 9. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

## 10. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

## CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM

Địa chỉ: số 940, đường 3 tháng 2, Phường 15, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

| <u>Loại tài sản cố định</u>     | <u>Số năm</u> |
|---------------------------------|---------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc          | 6 – 10        |
| Máy móc thiết bị                | 4 – 10        |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 3 – 6         |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý       | 3 – 7         |

#### 11. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là nhà thuộc sở hữu của Tập đoàn được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê. Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

Bất động sản đầu tư sử dụng để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Bất động sản đầu tư là nhà cửa được khấu hao từ 6 – 10 năm.

#### 12. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

##### *Phần mềm máy tính*

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao trong 10 năm.

##### *Bản quyền, bằng sáng chế*

Nguyên giá của bản quyền tác giả, bằng sáng chế mua lại từ bên thứ ba bao gồm giá mua, thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí đăng ký. Bản quyền tác giả, bằng sáng chế được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

## CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM

Địa chỉ: số 940, đường 3 tháng 2, Phường 15, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

### 13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

### 14. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

### 15. Vốn chủ sở hữu

#### *Vốn góp của chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

#### *Thặng dư vốn cổ phần*

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

#### *Cổ phiếu quỹ*

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty mẹ phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

### 16. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty mẹ cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.



044  
5N  
NH  
OÁN  
-T.

## CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM

Địa chỉ: số 940, đường 3 tháng 2, Phường 15, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

### 17. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

#### *Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm*

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá cho người mua.
- Tập đoàn không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá như người sở hữu hàng hoá hoặc quyền kiểm soát hàng hoá.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hoá dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hoá, dịch vụ khác).
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.

#### *Tiền lãi*

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

#### *Cổ tức được chia*

Cổ tức được chia được ghi nhận khi Tập đoàn được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

### 18. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại và hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh chiết khấu thương mại, trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu chiết khấu thương mại, trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm nay.
- Nếu chiết khấu thương mại, trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm sau.



# CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM

Địa chỉ: số 940, đường 3 tháng 2, Phường 15, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

## 19. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

## 20. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và qui định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

## 21. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

### *Thuế thu nhập hiện hành*

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.



## CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM

Địa chỉ: số 940, đường 3 tháng 2, Phường 15, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
  - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
  - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

### 22. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

### 23. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Tập đoàn.

### 24. Công cụ tài chính

#### *Tài sản tài chính*

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Tập đoàn gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

#### *Nợ phải trả tài chính*

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

#### *Công cụ vốn chủ sở hữu*

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Tập đoàn sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

# CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM

Địa chỉ: số 940, đường 3 tháng 2, Phường 15, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

## Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Tập đoàn:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

|  | <u>Số cuối năm</u>           | <u>Số đầu năm</u>            |
|--|------------------------------|------------------------------|
| Tiền mặt   | 3.563.433.954                | 4.433.147.408                |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn  | 20.511.804.363               | 5.328.233.996                |
| Các khoản tương đương tiền ( <i>tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng</i> ) | 28.500.000.000               | 3.000.000.000                |
| <b>Cộng</b>  | <b><u>52.575.238.317</u></b> | <b><u>12.761.381.404</u></b> |

### 2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

|                                      | <u>Số cuối năm</u>           | <u>Số đầu năm</u>            |
|--------------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| <i>Phải thu các bên liên quan</i>    | <i>13.495.549</i>            | <i>48.686.384</i>            |
| Công ty TNHH CJ CGV Việt Nam         | -                            | 35.190.835                   |
| Công ty Cổ phần Nhân hiệu Phương Nam | 13.495.549                   | 13.495.549                   |
| <i>Phải thu các khách hàng khác</i>  | <i>22.256.624.735</i>        | <i>25.062.823.665</i>        |
| Công ty Cổ phần Phát hành            | -                            | -                            |
| Sách TP. Hồ Chí Minh – Fahasa        | 1.066.528.568                | 2.657.793.967                |
| Công ty TNHH MTV Thương mại Tiki     | 2.313.249.102                | -                            |
| Các khách hàng khác                  | 18.876.847.065               | 22.405.029.698               |
| <b>Cộng</b>                          | <b><u>22.270.120.284</u></b> | <b><u>25.111.510.049</u></b> |

### 3. Trả trước cho người bán

#### 3a. Trả trước cho người bán ngắn hạn

|  | <u>Số cuối năm</u>           | <u>Số đầu năm</u>           |
|--|------------------------------|-----------------------------|
| <i>Trả trước cho bên liên quan</i>           | <i>2.545.329.604</i>         | <i>2.545.329.604</i>        |
| Công ty Cổ phần Nhân hiệu Phương Nam         | 2.545.329.604                | 2.545.329.604               |
| <i>Trả trước cho người bán khác</i>          | <i>9.675.757.564</i>         | <i>5.557.167.324</i>        |
| Công ty Cổ phần Thương mại                   | -                            | -                           |
| Trang trí Nội thất Tân Thành Công            | -                            | 198.063.810                 |
| Công ty TNHH Xây dựng Trang trí Nội thất TTA | -                            | 35.280.000                  |
| Các nhà cung cấp khác                        | 9.675.757.564                | 5.323.823.514               |
| <b>Cộng</b>                                  | <b><u>12.221.087.168</u></b> | <b><u>8.102.496.928</u></b> |

#### 3b. Trả trước cho người bán dài hạn

Tiền ứng trước cho Công ty Cổ phần Sài Gòn Hòa xa để cải tạo và nâng cấp khối nhà ở số 17 đường Thái Nguyên, phường Phước Tân, TP. Nha Trang. Khoản ứng trước này được trừ dần vào tiền thuê phải trả.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM**

Địa chỉ: số 940, đường 3 tháng 2, Phường 15, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****4. Phải thu khác****4a. Phải thu ngắn hạn khác**

|   | Số cuối năm           |                    | Số đầu năm            |                    |
|---|-----------------------|--------------------|-----------------------|--------------------|
|   | Giá trị               | Dự phòng           | Giá trị               | Dự phòng           |
| <b>Phải thu các bên liên quan</b>   | <b>2.142.964.395</b>  | <b>190.398.858</b> | <b>1.619.379.450</b>  | <b>185.779.201</b> |
| Công ty Cổ phần Nhân hiệu Phương Nam  | 15.398.858            | 15.398.858         | 15.398.858            | 10.779.201         |
| Phải thu tiền tạm ứng Ban điều hành Công ty Cổ phần Truyền thông Bách Việt Phương Nam – góp vốn sản xuất phim | 1.027.565.537         | -                  | 503.980.592           | -                  |
| <b>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</b>   | <b>15.620.209.409</b> | <b>2.222.222</b>   | <b>9.983.329.658</b>  | <b>-</b>           |
| Tạm ứng   | 413.502.952           | -                  | 1.354.224.669         | -                  |
| Các khoản ký quỹ ngắn hạn   | 3.448.228.225         | -                  | 1.212.538.497         | -                  |
| Phải thu chiết khấu các nhà cung cấp  | 7.404.664.493         | -                  | 5.167.746.892         | -                  |
| Các khoản phải thu ngắn hạn khác  | 4.353.813.739         | 2.222.222          | 2.248.819.600         | -                  |
| <b>Cộng</b>   | <b>17.763.173.804</b> | <b>192.621.080</b> | <b>11.602.709.108</b> | <b>185.779.201</b> |

**4b. Phải thu dài hạn khác**

Các khoản ký quỹ dài hạn.

**5. Nợ quá hạn**

|   | Thời gian quá hạn       | Số cuối năm          |                        | Số đầu năm           |                        |
|---|-------------------------|----------------------|------------------------|----------------------|------------------------|
|   |                         | Giá gốc              | Giá trị có thể thu hồi | Giá gốc              | Giá trị có thể thu hồi |
| <b>Bên liên quan</b>  |                         | <b>2.560.728.462</b> | <b>-</b>               | <b>2.545.329.604</b> | <b>-</b>               |
| Công ty Cổ phần Nhân hiệu Phương Nam – phải thu tiền bán hàng                       | Trên 3 năm              | 2.545.329.604        | -                      | 2.545.329.604        | -                      |
| Công ty TNHH Nhân Hiệu Phương Nam – phải thu về thu chi hộ                          | Trên 3 năm              | 28.894.407           | -                      | -                    | -                      |
| <b>Các tổ chức và cá nhân khác</b>  |                         | <b>8.018.087.825</b> | <b>1.256.757.060</b>   | <b>6.421.778.662</b> | <b>536.288.784</b>     |
| Nhà sách Đức Trí – phải thu tiền bán hàng   | Trên 3 năm              | 69.560.721           | -                      | 69.560.721           | -                      |
| Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Điện tử Cali – phải thu tiền bán hàng               | Trên 3 năm              | 162.240.500          | -                      | 162.240.500          | -                      |
| Cổ phần Truyền thông Bách Việt Phương Nam – phải thu tiền góp vốn                   | Trên 2 năm              | 1.100.000.000        | 175.000.000            | 1.100.000.000        | 175.000.000            |
| Công ty Cổ phần Thương mại Xây dựng Bảo vệ Môi trường 1122 – phải thu tiền bán hàng | Từ 1 năm đến dưới 2 năm | 1.393.541.364        | 696.770.682            | -                    | -                      |
| Công ty Cổ phần Thương mại Xây dựng Bảo vệ Môi trường 1122 – phải thu khác          | Từ 2 năm đến dưới 3 năm | 189.849.406          | -                      | -                    | -                      |
| Trần Kim Hoa – phải thu tiền bán hàng   | Trên 3 năm              | 110.841.702          | -                      | 110.841.702          | -                      |

# CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM

Địa chỉ: số 940, đường 3 tháng 2, Phường 15, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

|   | Thời gian<br>quá hạn | Số cuối năm           |                           | Thời gian<br>quá hạn | Số đầu năm           |                           |
|---|----------------------|-----------------------|---------------------------|----------------------|----------------------|---------------------------|
|   |                      | Giá gốc               | Giá trị có<br>thể thu hồi |                      | Giá gốc              | Giá trị có<br>thể thu hồi |
| Báo Du lịch - phải<br>thu tiền bán hàng | Trên 3 năm           | 219.626.023           | -                         | Trên 3 năm           | 219.626.023          | -                         |
| Phải thu các tổ<br>chức và cá nhân khác | Trên 1 năm           | 4.772.428.109         | 384.986.378               | Trên 6 tháng         | 4.759.509.716        | 361.288.784               |
| <b>Cộng</b>                             |                      | <b>10.592.311.836</b> | <b>1.256.757.060</b>      |                      | <b>8.967.108.266</b> | <b>536.288.784</b>        |

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

|                            | <u>Năm nay</u>       | <u>Năm trước</u>     |
|----------------------------|----------------------|----------------------|
| Số đầu năm                 | 8.430.819.482        | 8.000.058.495        |
| Trích lập dự phòng bổ sung | 904.735.294          | 2.022.782.319        |
| Xóa nợ                     | -                    | (1.592.021.332)      |
| <b>Số cuối năm</b>         | <b>9.335.554.776</b> | <b>8.430.819.482</b> |

6. Tài sản thiếu chờ xử lý  
Hàng tồn kho thiếu chờ xử lý.

7. Hàng tồn kho

|   | Số cuối năm            |                         | Số đầu năm             |                         |
|---|------------------------|-------------------------|------------------------|-------------------------|
|   | Giá gốc                | Dự phòng                | Giá gốc                | Dự phòng                |
| Nguyên liệu, vật liệu                   | 2.682.907.703          | (784.086.621)           | 5.006.904.828          | (2.806.864.717)         |
| Công cụ, dụng cụ                        | 153.504.000            | -                       | 195.640.000            | -                       |
| Chi phí sản xuất, kinh<br>doanh dở dang | 3.209.880.417          | -                       | 2.454.066.350          | -                       |
| Thành phẩm                              | 7.464.458.073          | (2.165.968.811)         | 9.756.957.594          | (4.011.571.345)         |
| Hàng hóa                                | 222.682.610.869        | (14.263.722.415)        | 243.867.962.571        | (21.258.481.872)        |
| <b>Cộng</b>                             | <b>236.193.361.062</b> | <b>(17.213.777.847)</b> | <b>261.281.531.343</b> | <b>(28.076.917.934)</b> |

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

|   | <u>Năm nay</u>        | <u>Năm trước</u>      |
|---|-----------------------|-----------------------|
| Số đầu năm  | 28.076.917.934        | 4.014.655.054         |
| Trích lập dự phòng bổ sung                            | 923.206.747           | 20.995.123.928        |
| Tăng khác (chuyển số dư<br>từ dự phòng phí phát hành) | -                     | 3.067.138.952         |
| Hoàn nhập dự phòng                                    | (7.400.297.069)       | -                     |
| Giảm khác (Thanh lý hàng tồn kho)                     | (4.386.049.765)       | -                     |
| <b>Số cuối năm</b>                                    | <b>17.213.777.847</b> | <b>28.076.917.934</b> |

8. Chi phí trả trước

- 8a. Chi phí trả trước ngắn hạn

|                          | <u>Số cuối năm</u>   | <u>Số đầu năm</u>    |
|--------------------------|----------------------|----------------------|
| Chi phí công cụ, dụng cụ | 714.328.648          | 285.854.239          |
| Chi phí khác             | 2.298.467.789        | 2.583.683.452        |
| <b>Cộng</b>              | <b>3.012.796.437</b> | <b>2.869.537.691</b> |

## CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM

Địa chỉ: số 940, đường 3 tháng 2, Phường 15, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

#### 8b. Chi phí trả trước dài hạn

|                          | <u>Số cuối năm</u>   | <u>Số đầu năm</u>    |
|--------------------------|----------------------|----------------------|
| Chi phí công cụ, dụng cụ | 4.123.798.969        | 4.888.895.393        |
| Chi phí khác             | 2.928.308.228        | 4.196.305.587        |
| <b>Cộng</b>              | <b>7.052.107.197</b> | <b>9.085.200.980</b> |

#### 9. Tài sản cố định hữu hình

Tình hình tăng, giảm tài sản cố định hữu hình được trình bày tại Phụ lục 1 đính kèm.

#### 10. Tài sản cố định vô hình

|                                       | <u>Bản quyền</u>  | <u>Phần mềm<br/>máy tính</u> | <u>Tài sản khác</u> | <u>Cộng</u>          |
|---------------------------------------|-------------------|------------------------------|---------------------|----------------------|
| <b>Nguyên giá</b>                     |                   |                              |                     |                      |
| Số đầu năm                            | 83.860.000        | 4.077.854.830                | 23.159.080          | 4.184.873.910        |
| <b>Số cuối năm</b>                    | <b>83.860.000</b> | <b>4.077.854.830</b>         | <b>23.159.080</b>   | <b>4.184.873.910</b> |
| <i>Trong đó:</i>                      |                   |                              |                     |                      |
| Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng | -                 | 3.389.438.910                | -                   | 3.389.438.910        |
| <b>Giá trị hao mòn</b>                |                   |                              |                     |                      |
| Số đầu năm                            | 53.577.221        | 3.649.908.954                | 23.159.080          | 3.726.645.255        |
| Khấu hao trong năm                    | 27.953.334        | 147.295.877                  | -                   | 175.249.211          |
| <b>Số cuối năm</b>                    | <b>81.530.555</b> | <b>3.797.204.831</b>         | <b>23.159.080</b>   | <b>3.901.894.466</b> |
| <b>Giá trị còn lại</b>                |                   |                              |                     |                      |
| Số đầu năm                            | 30.282.779        | 427.945.876                  | -                   | 458.228.655          |
| <b>Số cuối năm</b>                    | <b>2.329.445</b>  | <b>280.649.999</b>           | <b>-</b>            | <b>282.979.444</b>   |
| <i>Trong đó:</i>                      |                   |                              |                     |                      |
| Tạm thời chưa sử dụng                 | -                 | -                            | -                   | -                    |
| Đang chờ thanh lý                     | -                 | -                            | -                   | -                    |

#### 11. Bất động sản đầu tư

Bất động sản của Tập đoàn là nhà được dùng để cho thuê. Chi tiết như sau:

|                                    | <u>Nhà</u>           |
|------------------------------------|----------------------|
| <b>Nguyên giá</b>                  |                      |
| Số đầu năm                         | 4.675.201.133        |
| Thanh lý nhượng bán                | (504.794.023)        |
| <b>Số cuối năm</b>                 | <b>4.170.407.110</b> |
| <i>Trong đó:</i>                   |                      |
| Đã khấu hao hết nhưng vẫn cho thuê | 985.867.165          |
| <b>Giá trị hao mòn</b>             |                      |
| Số đầu năm                         | 4.637.596.792        |
| Khấu hao trong năm                 | 37.604.341           |
| Thanh lý nhượng bán                | (504.794.023)        |
| <b>Số cuối năm</b>                 | <b>4.170.407.110</b> |
| <b>Giá trị còn lại</b>             |                      |
| Số đầu năm                         | 37.604.341           |
| <b>Số cuối năm</b>                 | <b>-</b>             |

## CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM

Địa chỉ: số 940, đường 3 tháng 2, Phường 15, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 05 “Bất động sản đầu tư”, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc năm tài chính cần phải được trình bày. Tuy nhiên, Tập đoàn hiện chưa xác định được giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư do chưa có điều kiện để thực hiện.

Danh mục bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

|  | <u>Nguyên giá</u>    | <u>Hao mòn lũy kế</u> | <u>Giá trị còn lại</u> |
|--|----------------------|-----------------------|------------------------|
| Nhà số 1275 đường 3 tháng 2, Phường 16, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh           | 34.364.000           | 34.364.000            | -                      |
| Văn phòng số 160/12-14 đường Đội Cung, Phường 11, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh | 951.503.165          | 951.503.165           | -                      |
| Nhà số 160/14 đường Đội Cung, Phường 11, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh          | 279.620.000          | 279.620.000           | -                      |
| Nhà số 160/12 đường Đội Cung, Phường 11, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh          | 207.420.000          | 207.420.000           | -                      |
| Nhà số 160/13 đường Đội Cung, Phường 11, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh          | 268.800.000          | 268.800.000           | -                      |
| Nhà số 160/7 đường Đội Cung, Phường 11, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh           | 1.136.470.464        | 1.136.470.464         | -                      |
| Nhà số 349/126 Lê Đại Hành, Phường 13, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh            | 891.551.299          | 891.551.299           | -                      |
| Chi phí nâng cấp   | 400.678.182          | 400.678.182           | -                      |
| <b>Cộng</b>  | <b>4.170.407.110</b> | <b>4.170.407.110</b>  | <b>-</b>               |

### 12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

|   | <u>Số đầu năm</u>    | <u>Chi phí phát sinh trong năm</u> | <u>Kết chuyển sang tài sản cố định</u> | <u>Kết chuyển vào giá vốn</u> | <u>Số cuối năm</u>   |
|---|----------------------|------------------------------------|--|-------------------------------|----------------------|
| Chi phí xây dựng các nhà sách                                     | 2.455.753.200        | 4.412.444.903                      | (3.084.991.855)                        | (2.212.253.315)               | 1.570.952.933        |
| Các trang thiết bị nhận từ các chi nhánh nhà sách ngưng hoạt động | -                    | 1.315.309.121                      | -                                      | -                             | 1.315.309.121        |
| Phần mềm ERP  | -                    | 194.500.000                        | -                                      | -                             | 194.500.000          |
| <b>Cộng</b>   | <b>2.455.753.200</b> | <b>5.922.254.024</b>               | <b>(3.084.991.855)</b>                 | <b>(2.212.253.315)</b>        | <b>3.080.762.054</b> |

### 13. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn bao gồm đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn như sau:

#### 13a. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được trình bày ở Phụ lục 2 đính kèm.

Giá trị phần sở hữu của Tập đoàn tại các công ty liên kết như sau:

|   | <u>Giá trị phần sở hữu đầu năm</u> | <u>Phần lãi hoặc lỗ trong năm</u> | <u>Chuyển nhượng trong năm</u> | <u>Giá trị phần sở hữu cuối năm</u> |
|---|------------------------------------|-----------------------------------|--------------------------------|-------------------------------------|
| Công ty Cổ phần Mega Phương Nam                   | -                                  | -                                 | -                              | -                                   |
| Công ty Cổ phần Truyền thông Bách Việt Phương Nam | 2.067.640.131                      | (2.067.640.131)                   | -                              | -                                   |

## CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM

Địa chỉ: số 940, đường 3 tháng 2, Phường 15, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

|   | <u>Giá trị phần sở hữu đầu năm</u> | <u>Phần lãi hoặc lỗ trong năm</u> | <u>Chuyển nhượng trong năm</u> | <u>Giá trị phần sở hữu cuối năm</u> |
|---|------------------------------------|-----------------------------------|--------------------------------|-------------------------------------|
| Công ty Cổ phần Nhân hiệu Phương Nam        | -                                  | -                                 | -                              | -                                   |
| Công ty TNHH CJ CGV Việt Nam <sup>(i)</sup> | 108.636.600.291                    | -                                 | (108.636.600.291)              | -                                   |
| <b>Cộng</b>                                 | <b>110.704.240.422</b>             | <b>(2.067.640.131)</b>            | <b>(108.636.600.291)</b>       | <b>-</b>                            |

<sup>(i)</sup> Trong năm Công ty đã bán toàn bộ khoản đầu tư vào Công ty TNHH CJ CGV Việt Nam với giá bán là 270.000.000.000 VND. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty không còn nắm giữ phần vốn góp nào tại Công ty TNHH CJ CGV Việt Nam.

#### *Tình hình hoạt động của các công ty liên doanh, liên kết*

Ngoại trừ Công ty Cổ phần Nhân hiệu Phương Nam đang tạm ngưng hoạt động, các công ty liên kết khác đang hoạt động kinh doanh bình thường và không có thay đổi lớn so với năm trước.

#### *Giao dịch với các công ty liên doanh, liên kết*

Trong năm, Tập đoàn không phát sinh giao dịch với các công ty liên doanh, liên kết.

### 13b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

|  | <u>Số cuối năm</u>   |                 | <u>Số đầu năm</u>    |                 |
|--|----------------------|-----------------|----------------------|-----------------|
|  | <u>Giá gốc</u>       | <u>Dự phòng</u> | <u>Giá gốc</u>       | <u>Dự phòng</u> |
| Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Sọc Trắng | 2.499.906.900        | -               | 2.499.906.900        | -               |
| <b>Cộng</b>                                | <b>2.499.906.900</b> | <b>-</b>        | <b>2.499.906.900</b> | <b>-</b>        |

#### *Giá trị hợp lý*

Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

### 14. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

#### 14a. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã ghi nhận

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại là 20%.

#### 14b. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Tập đoàn chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho khoản lỗ tính thuế với số tiền là 108.351.828.747 VND.

Chi tiết lỗ tính thuế chưa được ghi nhận như sau:

|             |                        |
|-------------|------------------------|
| 2014        | 108.345.034            |
| 2015        | 11.160.692.884         |
| 2016        | 27.321.599.450         |
| 2017        | 55.442.385.960         |
| 2018        | 14.318.805.419         |
| <b>Cộng</b> | <b>108.351.828.747</b> |



## CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM

Địa chỉ: số 940, đường 3 tháng 2, Phường 15, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Lỗ tính thuế của Tập đoàn chưa ghi nhận tài sản thuế hoãn lại là khoản lỗ tính thuế của các công ty con. Công ty mẹ đã thực hiện chuyển lỗ các năm trước khi tính thuế TNDN trong năm nay. Số dư lỗ tính thuế được chuyển trong năm của Công ty mẹ đã được điều chỉnh theo tờ khai quyết toán thuế TNDN từ năm 2013-2017 của Công ty.

Theo Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, khoản lỗ của bất kỳ năm tính thuế nào được chuyển sang bù trừ vào thu nhập trong thời gian tối đa không quá 5 năm kể từ năm tiếp sau năm phát sinh lỗ và chênh lệch tạm thời có thể được khấu trừ không bị giới hạn về thời gian. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận cho những khoản này vì ít có khả năng có thu nhập chịu thuế trong tương lai để sử dụng những lợi ích đó.

#### 15. Phải trả người bán ngắn hạn

|                                       | <u>Số cuối năm</u>            | <u>Số đầu năm</u>             |
|---------------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| <i>Phải trả các bên liên quan</i>     | <i>40.182.729</i>             | <i>40.182.729</i>             |
| Công ty Cổ phần Nhân hiệu Phương Nam  | 12.170.000                    | 12.170.000                    |
| Công ty Cổ phần Mega Phương Nam       | 28.012.729                    | 28.012.729                    |
| <i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i> | <i>222.376.083.099</i>        | <i>233.832.289.455</i>        |
| <b>Cộng</b>                           | <b><u>222.416.265.828</u></b> | <b><u>233.872.472.184</u></b> |

Tập đoàn không có khoản nợ quá hạn chưa thanh toán.

#### 16. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

|                                  | <u>Số cuối năm</u>          | <u>Số đầu năm</u>           |
|----------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| Công ty Cổ phần Văn hóa Nhân văn | -                           | 182.743.906                 |
| Các khách hàng khác              | 1.477.096.696               | 1.020.102.765               |
| <b>Cộng</b>                      | <b><u>1.477.096.696</u></b> | <b><u>1.202.846.671</u></b> |

#### 17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

|                            | <u>Số đầu năm</u>           |                           | <u>Số phát sinh trong năm</u> |                                | <u>Số cuối năm</u>          |                           |
|----------------------------|-----------------------------|---------------------------|-------------------------------|--------------------------------|-----------------------------|---------------------------|
|                            | <u>Phải nộp</u>             | <u>Phải thu</u>           | <u>Số phải nộp</u>            | <u>Số đã thực nộp</u>          | <u>Phải nộp</u>             | <u>Phải thu</u>           |
| Thuế GTGT hàng bán nội địa | 2.697.194.253               | 35.177.769                | 7.181.038.860                 | (8.506.406.903)                | 1.364.836.570               | 28.188.129                |
| Thuế GTGT hàng nhập khẩu   | -                           | 131.778                   | -                             | -                              | -                           | 131.778                   |
| Thuế xuất, nhập khẩu       | -                           | 4.459.861                 | 1.066.729.201                 | (1.235.505.244)                | -                           | 173.235.904               |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | -                           | 514.300.483               | 14.042.734.229                | (13.681.172.892)               | 361.561.337                 | 514.300.483               |
| Thuế thu nhập cá nhân      | 604.029.249                 | -                         | 3.440.756.517                 | (3.759.262.543)                | 285.523.223                 | -                         |
| Các loại thuế khác         | 14.660.849                  | -                         | 138.284.936                   | (148.683.397)                  | 7.470.400                   | 3.208.012                 |
| <b>Cộng</b>                | <b><u>3.315.884.351</u></b> | <b><u>554.069.891</u></b> | <b><u>25.869.543.743</u></b>  | <b><u>(27.331.030.979)</u></b> | <b><u>2.019.391.530</u></b> | <b><u>719.064.306</u></b> |

#### *Thuế giá trị gia tăng*

Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

|                                      |     |
|--------------------------------------|-----|
| - Sách giáo khoa, giáo trình         | 0%  |
| - Sách tham khảo, cung cấp nước sạch | 5%  |
| - Các hàng hóa, dịch vụ khác         | 10% |

# CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM

Địa chỉ: số 940, đường 3 tháng 2, Phường 15, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

### *Thuế xuất, nhập khẩu*

Tập đoàn kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

### *Thuế thu nhập doanh nghiệp*

Tập đoàn phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Ngoại trừ công ty mẹ phát sinh thuế thu nhập doanh nghiệp từ chuyển nhượng công ty liên kết, các công ty khác thuộc Tập đoàn bị lỗ hoặc có thu nhập chịu thuế nhưng bù trừ hết với số lỗ được chuyển nên không phát sinh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các công ty trong Tập đoàn được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

### *Các loại thuế khác*

Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

## 18. Chi phí phải trả ngắn hạn

|   | <u>Số cuối năm</u>           | <u>Số đầu năm</u>            |
|---|------------------------------|------------------------------|
| Chi phí thuê mặt bằng                                 | 2.104.473.485                | 1.856.771.336                |
| Chi phí liên kết phát hành phim                       | 11.583.622.006               | 11.074.210.822               |
| Chi phí lãi vay và thuế nhà thầu của lãi vay phải trả | -                            | 13.409.878.056               |
| Các chi phí phải trả ngắn hạn khác                    | 5.587.605.031                | 3.033.769.322                |
| <b>Cộng</b>   | <b><u>19.275.700.522</u></b> | <b><u>29.374.629.536</u></b> |

## 19. Phải trả khác

### 19a. Phải trả ngắn hạn khác

|  | <u>Số cuối năm</u>           | <u>Số đầu năm</u>            |
|--|------------------------------|------------------------------|
| <i>Phải trả ngắn hạn các bên liên quan</i>   | <i>567.450</i>               | <i>7.210.567.450</i>         |
| Công ty Cổ phần Nhân hiệu Phương Nam   | 567.450                      | 567.450                      |
| Công ty TNHH CJ CGV Việt Nam - phải trả lại tiền ứng trước do thanh lý thỏa thuận quyền chọn mua | -                            | 7.210.000.000                |
| <i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>  | <i>12.662.187.729</i>        | <i>29.457.986.269</i>        |
| Tài sản thừa chờ giải quyết  | 2.481.484.494                | 1.791.868.002                |
| Kinh phí công đoàn   | 568.178.209                  | 488.658.161                  |
| Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp   | 276.056.601                  | 41.763.629                   |
| Nhận ký quỹ ngắn hạn   | 2.389.711.360                | 567.843.360                  |
| Envoy Media Partners Ltd.  | -                            | 18.192.000.000               |
| Tiền thưởng cho Hội đồng quản trị cũ   | -                            | 3.700.000.000                |
| Phải trả hợp tác kinh doanh  | 189.411.282                  | 189.411.282                  |
| Cổ tức, lợi nhuận phải trả   | 127.187.600                  | -                            |
| Các khoản phải trả ngắn hạn khác   | 6.630.158.183                | 4.486.441.835                |
| <b>Cộng</b>  | <b><u>12.662.755.179</u></b> | <b><u>36.668.553.719</u></b> |

## CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM

Địa chỉ: số 940, đường 3 tháng 2, Phường 15, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

#### 19b. Phải trả dài hạn khác

Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn.

#### 19c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Tập đoàn không có nợ quá hạn chưa thanh toán.

#### 20. Vay ngắn hạn

Khoản vay Công ty Cross Junction Investment Pte., Ltd. (Singapore) với số tiền 7,000,000 USD để bổ sung vốn hoạt động với lãi suất cố định 4%/năm, thời hạn vay 1 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên (ngày 25 tháng 6 năm 2014) và được gia hạn tối đa trong vòng 3 năm. Ngày đáo hạn của khoản vay là ngày 30 tháng 6 năm 2018. Công ty đã tắt toán khoản vay này trong năm.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

|                    |                   |
|--------------------|-------------------|
| Số đầu năm         | 159.180.000.000   |
| Chênh lệch tỷ giá  | 2.450.000.000     |
| Số tiền vay đã trả | (161.630.000.000) |
| <b>Số cuối năm</b> | <b>-</b>          |

#### 21. Vốn chủ sở hữu

##### 21a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 3 đính kèm.

##### 21b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

|                               | <u>Số cuối năm</u>     | <u>Số đầu năm</u>      |
|-------------------------------|------------------------|------------------------|
| Tổng công ty Công nghiệp - In |                        |                        |
| - Bao bì Liksin – TNHH MTV    | 16.613.520.000         | 16.613.520.000         |
| Các cổ đông khác              | 91.379.990.000         | 91.379.990.000         |
| Cổ phiếu quỹ                  | 2.408.900.000          | 2.408.900.000          |
| <b>Cộng</b>                   | <b>110.402.410.000</b> | <b>110.402.410.000</b> |

##### 21c. Cổ phiếu

|  | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|--------------------|-------------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành    | 11.040.241         | 11.040.241        |
| Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | 11.040.241         | 11.040.241        |
| - Cổ phiếu phổ thông                   | 11.040.241         | 11.040.241        |
| - Cổ phiếu ưu đãi                      | -                  | -                 |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại         | (240.890)          | (240.890)         |
| - Cổ phiếu phổ thông                   | (240.890)          | (240.890)         |
| - Cổ phiếu ưu đãi                      | -                  | -                 |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành        | 10.799.351         | 10.799.351        |
| - Cổ phiếu phổ thông                   | 10.799.351         | 10.799.351        |
| - Cổ phiếu ưu đãi                      | -                  | -                 |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

## CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM

Địa chỉ: số 940, đường 3 tháng 2, Phường 15, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

### 22. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất

#### 22a. Tài sản thuê ngoài

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động tài sản không thể hủy ngang theo các thời hạn như sau:

|                      | Số cuối năm            | Số đầu năm             |
|----------------------|------------------------|------------------------|
| Từ 1 năm trở xuống   | 36.200.106.873         | 35.426.129.144         |
| Trên 1 năm đến 5 năm | 81.133.428.312         | 56.964.832.125         |
| Trên 5 năm           | 9.555.440.000          | 11.908.920.909         |
| <b>Cộng</b>          | <b>126.888.975.185</b> | <b>104.299.882.178</b> |

#### 22b. Tài sản nhận giữ hộ

Tập đoàn đang nhận giữ hộ hàng hóa của các khách hàng với giá trị 3.721.884.291 VND (số đầu năm là 4.272.478.613 VND).

#### 22c. Ngoại tệ các loại

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm 1.150,89 USD (số đầu năm là 12.061,12 USD).

#### 22d. Nợ khó đòi đã xử lý

|   | Số cuối năm          |     | Số đầu năm           |     | Nguyên nhân xóa sổ                         |
|---|----------------------|-----|----------------------|-----|--|
|   | Nguyên tệ            | VND | Nguyên tệ            | VND |  |
| Phải thu tiền bán hàng Công ty TNHH MTV Chế bản in Sài Gòn 3 - phải thu tiền cung cấp dịch vụ | 823.649.332          |     | 823.649.332          |     | Công nợ tồn lâu, không có khả năng thu hồi |
| <b>Cộng</b>   | <b>1.592.021.332</b> |     | <b>1.592.021.332</b> |     | Công nợ tồn lâu, không có khả năng thu hồi |

## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

### 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

#### 1a. Tổng doanh thu

|                                    | Năm nay                | Năm trước              |
|------------------------------------|------------------------|------------------------|
| Doanh bán thành phẩm phim          | 9.683.191.104          | 13.206.592.200         |
| Doanh thu kinh doanh sách          | 309.084.677.714        | 230.912.943.569        |
| Doanh thu kinh doanh hàng tổng hợp | 353.081.758.352        | 322.705.339.248        |
| Doanh thu kinh doanh hàng băng đĩa | 4.424.127.638          | 2.782.249.542          |
| Doanh thu kinh doanh cà phê sách   | 19.997.531.934         | 19.994.766.749         |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ         | 2.663.403.059          | 4.777.209.974          |
| Doanh thu kinh doanh khác          | 9.466.256.757          | 11.931.808.653         |
| <b>Cộng</b>                        | <b>708.400.946.558</b> | <b>606.310.909.935</b> |

#### 1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan.

## CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM

Địa chỉ: số 940, đường 3 tháng 2, Phường 15, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

#### 2. Các khoản giảm trừ doanh thu

|                       | <u>Năm nay</u>              | <u>Năm trước</u>            |
|-----------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| Chiết khấu thương mại | -                           | 11.120.000                  |
| Hàng bán bị trả lại   | 8.450.868.929               | 7.439.960.777               |
| <b>Cộng</b>           | <b><u>8.450.868.929</u></b> | <b><u>7.451.080.777</u></b> |

#### 3. Giá vốn hàng bán

|  | <u>Năm nay</u>                | <u>Năm trước</u>              |
|--|-------------------------------|-------------------------------|
| Giá vốn của thành phẩm phim                | 5.204.911.557                 | 15.406.509.922                |
| Giá vốn kinh doanh sách                    | 176.835.419.238               | 157.707.237.850               |
| Giá vốn kinh doanh hàng tổng hợp           | 224.301.124.949               | 198.106.797.967               |
| Giá vốn kinh doanh hàng băng đĩa           | 3.453.214.430                 | 2.355.052.421                 |
| Giá vốn kinh doanh cà phê sách             | 7.273.778.374                 | 6.865.100.604                 |
| Giá vốn cung cấp dịch vụ                   | 1.442.848.755                 | 1.271.310.051                 |
| Giá vốn kinh doanh khác                    | 12.846.132.873                | 17.669.562.573                |
| (Hoàn nhập)/Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | (6.477.090.322)               | 20.995.123.928                |
| <b>Cộng</b>                                | <b><u>424.880.339.854</u></b> | <b><u>420.376.695.316</u></b> |

#### 4. Doanh thu hoạt động tài chính

|   | <u>Năm nay</u>                | <u>Năm trước</u>            |
|---|-------------------------------|-----------------------------|
| Lãi tiền gửi  | 993.074.825                   | 703.753.423                 |
| Lãi tiền góp vốn hợp tác kinh doanh sản xuất phim                           | 407.128.443                   | 550.000.000                 |
| Lãi chuyển nhượng công ty liên kết  | 161.363.399.709               | -                           |
| Cổ tức, lợi nhuận được chia   | -                             | 54.737.200                  |
| Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh   | 1.005.924.372                 | 737.819.240                 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | -                             | 511.302.319                 |
| Chiết khấu thanh toán   | 9.018.490.858                 | 6.767.620.381               |
| Doanh thu tài chính khác  | 13.260.594                    | 1.762.000                   |
| <b>Cộng</b>   | <b><u>172.801.278.801</u></b> | <b><u>9.326.994.563</u></b> |

#### 5. Chi phí tài chính

|   | <u>Năm nay</u>              | <u>Năm trước</u>            |
|---|-----------------------------|-----------------------------|
| Chi phí lãi vay                         | 3.344.386.795               | 6.709.532.831               |
| Chi phí hoa hồng và chiết khấu bán hàng | 1.052.261.590               | 1.613.488.064               |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh          | 2.565.727.270               | -                           |
| Chi phí tài chính khác                  | -                           | 103.400                     |
| <b>Cộng</b>                             | <b><u>6.962.375.655</u></b> | <b><u>8.323.124.295</u></b> |

#### 6. Chi phí bán hàng

|                                  | <u>Năm nay</u>                | <u>Năm trước</u>              |
|----------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| Chi phí cho nhân viên            | 90.662.021.689                | 75.965.044.647                |
| Chi phí vật liệu, bao bì         | 2.255.637.984                 | 2.025.708.836                 |
| Chi phí dụng cụ, đồ dùng         | 4.800.822.984                 | 3.490.825.587                 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 16.003.685.486                | 14.131.478.552                |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài        | 106.399.767.279               | 86.423.989.983                |
| Các chi phí khác                 | 34.849.423.566                | 18.222.577.881                |
| <b>Cộng</b>                      | <b><u>254.971.358.988</u></b> | <b><u>200.259.625.486</u></b> |

## CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM

Địa chỉ: số 940, đường 3 tháng 2, Phường 15, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

#### 7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

|                                  | <u>Năm nay</u>               | <u>Năm trước</u>             |
|----------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| Chi phí cho nhân viên            | 18.152.849.500               | 14.155.953.660               |
| Chi phí đồ dùng văn phòng        | 674.716.710                  | 638.938.906                  |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 514.813.337                  | 1.425.570.453                |
| Thuế, phí và lệ phí              | 44.277.755                   | 61.210.020                   |
| Dự phòng phải thu khó đòi        | 904.735.294                  | 2.022.782.318                |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài        | 5.198.482.128                | 7.067.064.878                |
| Các chi phí khác                 | 11.670.367.199               | 11.921.684.067               |
| <b>Cộng</b>                      | <b><u>37.160.241.923</u></b> | <b><u>37.293.204.302</u></b> |

#### 8. Thu nhập khác

|   | <u>Năm nay</u>               | <u>Năm trước</u>             |
|---|------------------------------|------------------------------|
| Thu từ các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ   | -                            | 995.196.195                  |
| Khoản tiền mượn Envoy Media Partners Ltd <sup>(i)</sup>                                       | 18.256.000.000               | -                            |
| Khoản nợ vay không phải trả   | -                            | 2.123.024.255                |
| Thu nhập từ tiền bồi thường hàng hóa hư hỏng  | 144.097.619                  | 8.827.683.425                |
| Nhận tiền hỗ trợ di dời Nhà sách Lotte (Hà Nội) từ Công ty TNHH Lotte Shopping Plaza Việt Nam | 1.500.000.000                | -                            |
| Thu khoản hỗ trợ  | 2.247.705.087                | 6.971.376.546                |
| Các khoản thu nhập khác   | 435.515.092                  | 1.816.017.324                |
| <b>Cộng</b>   | <b><u>22.583.317.798</u></b> | <b><u>20.733.297.745</u></b> |

<sup>(i)</sup> Khoản tiền mượn để góp vốn vào Công ty TNHH CJ CGV Việt Nam theo Thỏa thuận thanh lý hợp đồng ngày 23 tháng 11 năm 2015 giữa Công ty và Envoy Media Partners Ltd.

#### 9. Chi phí khác

|   | <u>Năm nay</u>              | <u>Năm trước</u>             |
|---|-----------------------------|------------------------------|
| Lỗ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định   | 4.769.751.985               | 6.410.726.145                |
| Xử lý nợ tồn đọng lâu năm   | -                           | 7.038.695.642                |
| Thuế bị phạt, bị truy thu   | 269.531.057                 | -                            |
| Khấu hao các tài sản cố định chưa dùng  | -                           | 2.138.472.746                |
| Chi phí đóng cửa chi nhánh  | 1.547.630.364               | -                            |
| Chi phí thuê mặt bằng   | -                           | 1.307.140.600                |
| Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát                                      | 432.000.000                 | 542.000.000                  |
| Chi thưởng Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát nhiệm kỳ từ năm 2012 đến năm 2017 | -                           | 7.000.000.000                |
| Chi phí thiệt hại hàng hóa hư hỏng  | -                           | 12.194.440.703               |
| Chi khoản hỗ trợ  | 1.174.000.000               | -                            |
| Chi phí khác  | 639.628.331                 | 11.819.723.634               |
| <b>Cộng</b>   | <b><u>8.832.541.737</u></b> | <b><u>48.451.199.470</u></b> |

## CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM

Địa chỉ: số 940, đường 3 tháng 2, Phường 15, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

#### 10. Lãi trên cổ phiếu

##### 10a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

|   | <u>Năm nay</u>  | <u>Năm trước</u> |
|---|-----------------|------------------|
| Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp  | 146.273.986.764 | (66.510.589.731) |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông | -               | -                |
| Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu  | 146.273.986.764 | (66.510.589.731) |
| Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm   | 10.799.351      | 10.799.351       |
| <b>Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu</b>  | <b>13.545</b>   | <b>(6.159)</b>   |

##### 10b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất này.

#### 11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

|                                  | <u>Năm nay</u>         | <u>Năm trước</u>       |
|----------------------------------|------------------------|------------------------|
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu    | 14.428.623.532         | 16.122.567.901         |
| Chi phí nhân công                | 111.774.226.600        | 94.427.666.010         |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 16.653.525.715         | 15.767.178.165         |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài        | 125.799.431.010        | 164.499.782.825        |
| Chi phí khác                     | 80.865.517.210         | 37.252.043.863         |
| <b>Cộng</b>                      | <b>349.521.324.067</b> | <b>328.069.238.764</b> |

## VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

#### 1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

##### 1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc Công ty mẹ. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

*Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt. Giao dịch khác trong năm chỉ có giao dịch tạm ứng cho các thành viên Hội đồng quản trị với số tiền là 70.000.000 VND (năm trước là 271.228.801 VND).

## CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM

Địa chỉ: số 940, đường 3 tháng 2, Phường 15, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

*Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại thuyết minh số V.4a.

Các khoản công nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt không có bảo đảm. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt.

*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt*

|             | <u>Năm nay</u>              | <u>Năm trước</u>            |
|-------------|-----------------------------|-----------------------------|
| Tiền lương  | 1.699.810.909               | 950.000.000                 |
| Thù lao     | 300.000.000                 | 410.000.000                 |
| <b>Cộng</b> | <b><u>1.999.810.909</u></b> | <b><u>1.360.000.000</u></b> |

### 1b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

| <u>Bên liên quan khác</u>                         | <u>Mối quan hệ</u> |
|---|--------------------|
| Công ty Cổ phần Nhãn hiệu Phương Nam              | Công ty liên doanh |
| Công ty Cổ phần Mega Phương Nam                   | Công ty liên kết   |
| Công ty Cổ phần Truyền thông Bách Việt Phương Nam | Công ty liên kết   |

*Giao dịch với các bên liên quan khác*

Tập đoàn không phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác.

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

*Công nợ với các bên liên quan khác*

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.2, V.3a, V.4a, V.15 và V.19a.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Ngoại trừ khoản nợ của Công ty Cổ phần Nhãn hiệu Phương Nam đã được lập dự phòng, không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào khác được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

## 2. **Thông tin về bộ phận**

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm và dịch vụ khác nhau.

### 2a. *Thông tin về lĩnh vực kinh doanh*

Tập đoàn có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Dự án và dịch vụ.
- Kinh doanh nhà sách.
- Sản xuất kinh doanh phim, băng đĩa.
- Sản xuất, kinh doanh văn phòng phẩm.
- In, thiết kế.
- Phát hành sách.



## CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM

Địa chỉ: số 940, đường 3 tháng 2, Phường 15, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

---

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn được trình bày ở Phụ lục 4 đính kèm.

#### **2b. Thông tin về khu vực địa lý**

Hoạt động kinh doanh của Tập đoàn hoàn toàn ở Việt Nam.

#### **3. Quản lý rủi ro tài chính**

Hoạt động của Tập đoàn phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Tổng Giám đốc Công ty mẹ chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Kế toán – Tài chính theo các chính sách và các thủ tục đã được Tổng Giám đốc Công ty mẹ phê duyệt.

#### **3a. Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tập đoàn.

Tập đoàn có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và tiền gửi ngân hàng.

##### *Phải thu khách hàng*

Tập đoàn giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt hoặc có tài sản đảm bảo đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Tập đoàn liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

##### *Tiền gửi ngân hàng*

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Tập đoàn được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Tập đoàn nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.4 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

#### **3b. Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tập đoàn gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Tập đoàn chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Tập đoàn quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp ở mức mà Tổng Giám đốc Công ty mẹ cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Tập đoàn nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

# CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM

Địa chỉ: số 940, đường 3 tháng 2, Phường 15, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (không bao gồm lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

|                         | <u>Từ 1 năm<br/>trở xuống</u> | <u>Trên 1 năm<br/>đến 5 năm</u> | <u>Cộng</u>            |
|-------------------------|-------------------------------|---------------------------------|------------------------|
| <b>Số cuối năm</b>      |                               |                                 |                        |
| Phải trả người bán      | 222.416.265.828               | -                               | 222.416.265.828        |
| Các khoản phải trả khác | 28.612.736.397                | 4.985.868.236                   | 33.598.604.633         |
| <b>Cộng</b>             | <b>251.029.002.225</b>        | <b>4.985.868.236</b>            | <b>256.014.870.461</b> |
| <b>Số đầu năm</b>       |                               |                                 |                        |
| Phải trả người bán      | 233.872.472.184               | -                               | 233.872.472.184        |
| Vay và nợ               | 159.180.000.000               | -                               | 159.180.000.000        |
| Các khoản phải trả khác | 63.720.893.463                | 4.518.198.236                   | 68.239.091.699         |
| <b>Cộng</b>             | <b>456.773.365.647</b>        | <b>4.518.198.236</b>            | <b>461.291.563.883</b> |

### 3c. *Rủi ro thị trường*

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Tập đoàn chỉ có rủi ro giá hàng hóa.

Tập đoàn có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa. Tập đoàn quản lý rủi ro về giá hàng hóa bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Tập đoàn chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá hàng hóa.

### 3d. *Tài sản đảm bảo*

Tập đoàn không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2017.

## 4. *Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính*

### *Tài sản tài chính*

Giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính như sau:

|                                    | <u>Số cuối năm</u>    |                        | <u>Số đầu năm</u>     |                        |
|------------------------------------|-----------------------|------------------------|-----------------------|------------------------|
|                                    | <u>Giá gốc</u>        | <u>Dự phòng</u>        | <u>Giá gốc</u>        | <u>Dự phòng</u>        |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 52.575.238.317        | -                      | 12.761.381.404        | -                      |
| Phải thu khách hàng                | 22.270.120.284        | (9.335.554.776)        | 25.111.510.049        | (8.430.819.482)        |
| Các khoản phải thu khác            | 5.469.212.597         | -                      | 3.364.218.458         | -                      |
| Tài sản tài chính sẵn sàng để bán  | 2.499.906.900         | -                      | 2.499.906.900         | -                      |
| <b>Cộng</b>                        | <b>82.814.478.098</b> | <b>(9.335.554.776)</b> | <b>43.737.016.811</b> | <b>(8.430.819.482)</b> |

### *Nợ phải trả tài chính*

Giá trị ghi sổ của các khoản nợ phải trả tài chính như sau:

|                         | <u>Số cuối năm</u>     | <u>Số đầu năm</u>      |
|-------------------------|------------------------|------------------------|
| Phải trả người bán      | 222.416.265.828        | 233.872.472.184        |
| Vay và nợ               | -                      | 159.180.000.000        |
| Các khoản phải trả khác | 33.598.604.633         | 68.239.091.699         |
| <b>Cộng</b>             | <b>256.014.870.461</b> | <b>461.291.563.883</b> |

### *Giá trị hợp lý*

## CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM

Địa chỉ: số 940, đường 3 tháng 2, Phường 15, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

---

Tập đoàn chưa xác định được giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể.

#### 5. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 02 năm 2019

Lê Thị Kim Sa  
Người lập

Ông Thu Nga  
Kế toán trưởng



Đặng Bá Tùng  
Chủ tịch Hội đồng quản trị

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM**

Địa chỉ: số 940 đường 3 tháng 2, Phường 15, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Phụ lục 1: Tình hình tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

|  | Nhà cửa,<br>vật kiến trúc | Máy móc và<br>thiết bị | Phương tiện vận<br>tải, truyền dẫn | Thiết bị, dụng cụ<br>quản lý | Cộng                   |
|--|---------------------------|------------------------|------------------------------------|------------------------------|------------------------|
| <b>Nguyên giá</b>                        |                           |                        |                                    |                              |                        |
| Số đầu năm                               | 114.742.467.806           | 4.719.121.146          | 2.238.364.511                      | 25.585.896.009               | 147.285.849.472        |
| Mua sắm mới                              | 13.405.959.746            | 508.234.091            | -                                  | 376.194.552                  | 14.290.388.389         |
| Xây dựng cơ bản hoàn thành               | 3.029.755.491             | -                      | -                                  | 55.236.364                   | 3.084.991.855          |
| Thanh lý, nhượng bán                     | (9.205.830.926)           | -                      | (134.650.000)                      | (5.252.714.299)              | (14.593.195.225)       |
| Chuyển sang chi phí trả trước<br>dài hạn | (27.011.817)              | 88.363.636             | -                                  | (21.059.783)                 | 40.292.036             |
| <b>Số cuối năm</b>                       | <b>121.945.340.300</b>    | <b>5.315.718.873</b>   | <b>2.103.714.511</b>               | <b>20.743.552.843</b>        | <b>150.108.326.527</b> |
| <i>Trong đó:</i>                         |                           |                        |                                    |                              |                        |
| Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn<br>sử dụng | 28.408.614.181            | 3.964.053.751          | 2.145.114.510                      | 13.172.869.878               | 47.690.652.320         |
| Chờ thanh lý                             | -                         | -                      | -                                  | -                            | -                      |
| <b>Giá trị hao mòn</b>                   |                           |                        |                                    |                              |                        |
| Số đầu năm                               | 54.402.782.748            | 4.142.362.597          | 2.238.364.511                      | 18.826.749.182               | 79.610.259.038         |
| Khấu hao trong năm                       | 14.612.665.669            | 257.864.371            | -                                  | 1.570.142.123                | 16.440.672.163         |
| Thanh lý, nhượng bán                     | (5.063.383.878)           | -                      | (413.029.272)                      | (4.177.442.551)              | (9.653.855.701)        |
| <b>Số cuối năm</b>                       | <b>63.952.064.539</b>     | <b>4.400.226.968</b>   | <b>1.825.335.239</b>               | <b>16.219.448.754</b>        | <b>86.397.075.500</b>  |
| <b>Giá trị còn lại</b>                   |                           |                        |                                    |                              |                        |
| Số đầu năm                               | 60.339.685.058            | 576.758.549            | -                                  | 6.759.146.827                | 67.675.590.434         |
| <b>Số cuối năm</b>                       | <b>57.993.275.761</b>     | <b>915.491.905</b>     | <b>278.379.272</b>                 | <b>4.524.104.089</b>         | <b>63.711.251.027</b>  |
| <i>Trong đó:</i>                         |                           |                        |                                    |                              |                        |
| Tạm thời chưa sử dụng                    | -                         | -                      | -                                  | -                            | -                      |
| Đang chờ thanh lý                        | -                         | -                      | -                                  | -                            | -                      |

Lê Thị Kim Sa  
Người lập biểu

Ông Thu Nga  
Kế toán trưởng



TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 02 năm 2019

Đặng Bá Tùng  
Chủ tịch Hội đồng quản trị

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM**

Địa chỉ: số 940 đường 3 tháng 2, Phường 15, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Phụ lục 2: Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

|   | Số cuối năm           |                                   |                                     |                                |                        |                          | Số đầu năm |                       |                                   |                                     |                                |                        |                        |
|---|-----------------------|-----------------------------------|-------------------------------------|--------------------------------|------------------------|--------------------------|------------|-----------------------|-----------------------------------|-------------------------------------|--------------------------------|------------------------|------------------------|
|   | Giá gốc               | Lãi phát sinh từ giao dịch mua rẻ | Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư | Điều chỉnh theo giá trị hợp lý | Điều chỉnh khác        | Chuyển nhượng trong năm  | Cộng       | Giá gốc               | Lãi phát sinh từ giao dịch mua rẻ | Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư | Điều chỉnh theo giá trị hợp lý | Điều chỉnh khác        | Cộng                   |
| Công ty Cổ phần Mega Phương Nam                   | 4.351.000.000         | -                                 | (4.352.000.000)                     | -                              | 1.000.000              | -                        | -          | 4.351.000.000         | -                                 | (4.352.000.000)                     | -                              | 1.000.000              | -                      |
| Công ty Cổ phần Truyền thông Bách Việt Phương Nam | 2.500.000.000         | -                                 | (2.500.000.000)                     | -                              | -                      | -                        | -          | 2.500.000.000         | -                                 | (432.359.869)                       | -                              | -                      | 2.067.640.131          |
| Công ty Cổ phần Nhân hiệu Phương Nam              | 9.584.000.000         | -                                 | (6.106.862.452)                     | -                              | (3.477.137.548)        | -                        | -          | 9.584.000.000         | -                                 | (6.106.862.452)                     | -                              | (3.477.137.548)        | -                      |
| Công ty TNHH CJ CGV Việt Nam                      | 30.685.840.314        | 21.711.765.500                    | 29.149.069.291                      | 27.089.925.186                 | -                      | (108.636.600.291)        | -          | 30.685.840.314        | 21.711.765.500                    | 29.149.069.291                      | 27.089.925.186                 | -                      | 108.636.600.291        |
| <b>Cộng</b>                                       | <b>47.120.840.314</b> | <b>21.711.765.500</b>             | <b>16.190.206.839</b>               | <b>27.089.925.186</b>          | <b>(3.476.137.548)</b> | <b>(108.636.600.291)</b> | <b>-</b>   | <b>47.120.840.314</b> | <b>21.711.765.500</b>             | <b>18.257.846.970</b>               | <b>27.089.925.186</b>          | <b>(3.476.137.548)</b> | <b>110.704.240.422</b> |

  
 TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 02 năm 2019  
 Đặng Bá Tung  
 Chủ tịch Hội đồng quản trị

  
 Lê Thị Kim Sa  
 Người lập biểu

  
 Ông Thu Nga  
 Kế toán trưởng





## CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM

Địa chỉ: số 940 đường 3 tháng 2, Phường 15, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Phụ lục 3: Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

|                           | Vốn đầu tư<br>của chủ sở hữu | Thặng dư vốn<br>cổ phần | Cổ phiếu quỹ           | Quỹ đầu tư<br>phát triển | Lợi nhuận sau thuế<br>chưa phân phối | Cộng                   |
|---------------------------|------------------------------|-------------------------|------------------------|--------------------------|--------------------------------------|------------------------|
| Số đầu năm trước          | 110.402.410.000              | 24.738.460.046          | (2.616.000.640)        | 1.998.733.714            | (39.355.248.205)                     | 95.168.354.915         |
| Lợi nhuận trong năm trước | -                            | -                       | -                      | -                        | (66.510.589.731)                     | (66.510.589.731)       |
| Số dư cuối năm trước      | <u>110.402.410.000</u>       | <u>24.738.460.046</u>   | <u>(2.616.000.640)</u> | <u>1.998.733.714</u>     | <u>(105.865.837.936)</u>             | <u>28.657.765.184</u>  |
| Số dư đầu năm nay         | 110.402.410.000              | 24.738.460.046          | (2.616.000.640)        | 1.998.733.714            | (105.865.837.936)                    | 28.657.765.184         |
| Lợi nhuận trong năm nay   | -                            | -                       | -                      | -                        | 146.273.986.764                      | 146.273.986.764        |
| Chia cổ tức, lợi nhuận    |                              |                         |                        |                          | (21.598.702.000)                     | (21.598.702.000)       |
| Số dư cuối năm nay        | <u>110.402.410.000</u>       | <u>24.738.460.046</u>   | <u>(2.616.000.640)</u> | <u>1.998.733.714</u>     | <u>18.809.446.828</u>                | <u>153.333.049.948</u> |

Lê Thị Kim Sa  
Người lập biểu

Ông Thu Nga  
Kế toán trưởng



TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 02 năm 2019

Đặng Bá Tùng  
Chủ tịch Hội đồng quản trị



**CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM**

Địa chỉ: số 940 đường 3 tháng 2, Phường 15, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Phụ lục 4: Thông tin về lĩnh vực kinh doanh**

Đơn vị tính: VND

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

|   | Dự án và dịch vụ      | Kinh doanh nhà sách    | SXKD phim, băng đĩa   | SXKD văn phòng phẩm | In, thiết kế       | Phát hành sách và kinh doanh khác | Các khoản loại trừ      | Cộng                   |
|---|-----------------------|------------------------|-----------------------|---------------------|--------------------|-----------------------------------|-------------------------|------------------------|
| <b>Năm nay</b>  |                       |                        |                       |                     |                    |                                   |                         |                        |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài  | 3.098.847.715         | 684.667.066.938        | 9.542.997.675         | 27.330.909          | 315.976.985        | 2.297.857.407                     | -                       | 699.950.077.629        |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận  | 51.120.809.416        | 721.773.620            | 2.365.117.939         | 340.734.103         | 23.041.973         | 18.406.062.868                    | (72.977.539.919)        | -                      |
| <b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>   | <b>54.219.657.131</b> | <b>685.388.840.558</b> | <b>11.908.115.614</b> | <b>368.065.012</b>  | <b>339.018.958</b> | <b>20.703.920.275</b>             | <b>(72.977.539.919)</b> | <b>699.950.077.629</b> |
| Kết quả kinh doanh theo bộ phận   | (61.580.622.911)      | 29.189.910.775         | (3.641.585.055)       | (1.497.394.649)     | (182.075.378)      | (7.289.839.165)                   | 27.939.743.247          | (17.061.863.136)       |
| Các chi phí không phân bổ theo bộ phận  |                       |                        |                       |                     |                    |                                   |                         | -                      |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh   |                       |                        |                       |                     |                    |                                   |                         | (17.061.863.136)       |
| Doanh thu hoạt động tài chính   |                       |                        |                       |                     |                    |                                   |                         | 172.801.278.801        |
| Chi phí tài chính   |                       |                        |                       |                     |                    |                                   |                         | (6.962.375.655)        |
| Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết   | -                     | -                      | -                     | -                   | -                  | (2.067.640.131)                   | -                       | (2.067.640.131)        |
| Thu nhập khác   |                       |                        |                       |                     |                    |                                   |                         | 22.583.317.798         |
| Chi phí khác  |                       |                        |                       |                     |                    |                                   |                         | (8.832.541.737)        |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành  |                       |                        |                       |                     |                    |                                   |                         | (14.042.734.229)       |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại   |                       |                        |                       |                     |                    |                                   |                         | (143.454.947)          |
| <b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>   |                       |                        |                       |                     |                    |                                   |                         | <b>146.273.986.764</b> |
| <b>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</b>                                   | <b>231.466.003</b>    | <b>29.030.356.836</b>  | <b>14.861.941</b>     | <b>-</b>            | <b>-</b>           | <b>83.717.642</b>                 | <b>(2.441.854.803)</b>  | <b>26.918.547.619</b>  |
| <b>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</b>   | <b>554.612.144</b>    | <b>26.498.142.322</b>  | <b>48.715.442</b>     | <b>-</b>            | <b>-</b>           | <b>238.341.944</b>                | <b>(1.777.232.831)</b>  | <b>25.562.579.021</b>  |
| <b>Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)</b> | <b>33.312.815.962</b> | <b>-</b>               | <b>-</b>              | <b>-</b>            | <b>-</b>           | <b>13.495.549</b>                 | <b>(32.421.576.216)</b> | <b>904.735.294</b>     |

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM**

Địa chỉ: số 940 đường 3 tháng 2, Phường 15, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Phụ lục 4: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

|   | Dự án và dịch vụ      | Kinh doanh nhà sách    | SXKD phim, băng đĩa   | SXKD văn phòng phẩm | In, thiết kế       | Phát hành sách và kinh doanh khác | Các khoản loại trừ       | Cộng                    |
|---|-----------------------|------------------------|-----------------------|---------------------|--------------------|-----------------------------------|--------------------------|-------------------------|
| <b>Năm trước</b>  |                       |                        |                       |                     |                    |                                   |                          |                         |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài  | 4.150.787.909         | 579.652.569.581        | 10.948.170.515        | 5.349.219           | 359.632.938        | 3.743.318.996                     | -                        | 598.859.829.158         |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận  | 85.494.244.348        | 887.123.810            | 3.678.454.100         | 489.301.253         | 28.527.458         | 23.946.967.498                    | (114.524.618.467)        | -                       |
| <b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>   | <b>89.645.032.257</b> | <b>580.539.693.391</b> | <b>14.626.624.615</b> | <b>494.650.472</b>  | <b>388.160.396</b> | <b>27.690.286.494</b>             | <b>(114.524.618.467)</b> | <b>598.859.829.158</b>  |
| Kết quả kinh doanh theo bộ phận   | (29.301.095.636)      | 46.435.880.111         | (20.610.459.377)      | (296.101.545)       | (256.858.723)      | (53.597.116.190)                  | (1.443.944.586)          | (59.069.695.946)        |
| Các chi phí không phân bổ theo bộ phận  |                       |                        |                       |                     |                    |                                   |                          | -                       |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh   |                       |                        |                       |                     |                    |                                   |                          | (59.069.695.946)        |
| Doanh thu hoạt động tài chính   |                       |                        |                       |                     |                    |                                   |                          | 9.326.994.563           |
| Chi phí tài chính   |                       |                        |                       |                     |                    |                                   |                          | (8.323.124.295)         |
| Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết   | -                     | -                      | 25.416.506.332        | -                   | -                  | (425.356.990)                     | -                        | 18.469.800.903          |
| Thu nhập khác   |                       |                        |                       |                     |                    |                                   |                          | 20.733.297.745          |
| Chi phí khác  |                       |                        |                       |                     |                    |                                   |                          | (48.451.199.470)        |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành  |                       |                        |                       |                     |                    |                                   |                          | -                       |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại   |                       |                        |                       |                     |                    |                                   |                          | 803.336.769             |
| <b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>   |                       |                        |                       |                     |                    |                                   |                          | <b>(66.510.589.731)</b> |
| <b>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</b>                                   | <b>39.053.708.315</b> | <b>63.640.772.373</b>  | <b>31.944.000</b>     | <b>-</b>            | <b>-</b>           | <b>950.161.677</b>                | <b>(5.234.433.723)</b>   | <b>98.442.152.642</b>   |
| <b>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</b>   | <b>6.010.138.246</b>  | <b>28.081.632.774</b>  | <b>102.561.848</b>    | <b>28.742.800</b>   | <b>-</b>           | <b>642.517.363</b>                | <b>(1.655.608.742)</b>   | <b>33.209.984.289</b>   |
| <b>Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)</b> | <b>21.232.506.126</b> | <b>340.582.200</b>     | <b>964.784.061</b>    | <b>129.999.625</b>  | <b>99.945.817</b>  | <b>366.691.414</b>                | <b>(21.111.726.925)</b>  | <b>2.022.782.318</b>    |





**CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM**

Địa chỉ: số 940 đường 3 tháng 2, Phường 15, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Phụ lục 4: Thông tin về lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

|  | Dự án và dịch vụ | Kinh doanh nhà sách | SXKD phim, băng đĩa | SXKD văn phòng phẩm | In, thiết kế | Phát hành sách và kinh doanh khác | Các khoản loại trừ | Cộng                   |
|--|------------------|---------------------|---------------------|---------------------|--------------|-----------------------------------|--------------------|------------------------|
| <b>Số cuối năm</b>                     |                  |                     |                     |                     |              |                                   |                    |                        |
| Tài sản trực tiếp của bộ phận          | 167.154.554.669  | 377.404.079.680     | 20.781.471.927      | 661.020.997         | 881.671.054  | 32.495.784.103                    | (174.996.128.840)  | 424.382.453.590        |
| Các tài sản không phân bổ theo bộ phận |                  |                     |                     |                     |              |                                   |                    | -                      |
| <b>Tổng tài sản</b>                    |                  |                     |                     |                     |              |                                   |                    | <b>424.382.453.590</b> |
| Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận      | 5.935.999.899    | 382.353.072.901     | 24.708.868.369      | 374.132.858         | 243.210.531  | 80.095.828.142                    | (222.661.709.058)  | 271.049.403.642        |
| Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận |                  |                     |                     |                     |              |                                   |                    | -                      |
| <b>Tổng nợ phải trả</b>                |                  |                     |                     |                     |              |                                   |                    | <b>271.049.403.642</b> |
| <b>Số đầu năm</b>                      |                  |                     |                     |                     |              |                                   |                    |                        |
| Tài sản trực tiếp của bộ phận          | 199.353.470.521  | 354.584.555.003     | 20.846.422.000      | 1.570.973.575       | 888.222.585  | 31.493.347.235                    | (98.054.051.671)   | 510.682.939.248        |
| Các tài sản không phân bổ theo bộ phận |                  |                     |                     |                     |              |                                   |                    | -                      |
| <b>Tổng tài sản</b>                    |                  |                     |                     |                     |              |                                   |                    | <b>510.682.939.248</b> |
| Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận      | 213.833.576.422  | 349.576.695.675     | 24.480.260.457      | 496.254.910         | 243.132.791  | 76.566.304.602                    | (183.171.050.793)  | 482.025.174.064        |
| Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận |                  |                     |                     |                     |              |                                   |                    | -                      |
| <b>Tổng nợ phải trả</b>                |                  |                     |                     |                     |              |                                   |                    | <b>482.025.174.064</b> |


Lê Thị Kim Sa  
Người lập biểu

Ông Thu Nga  
Kế toán trưởng

TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 02 năm 2019

Đặng Bá Tùng  
Chủ tịch Hội đồng quản trị